

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỔ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XUẤT BẢN ĐỢT 1 NĂM 2026

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ quản lý nhà nước về xuất bản đợt 1 năm 2026 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 1258-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Nghiệp vụ quản lý nhà nước về xuất bản.

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 08/3/2026 đến ngày 05/4/2026.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
1	Phùng Thị Phương Anh	05.5.1980	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005432	NVQLNNXB1/2026.01	
2	Nguyễn Hoài Anh	18.8.1971	Thái Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 005433	NVQLNNXB1/2026.02	
3	Nguyễn Kim Anh	18.11.1983	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	HBT/BD 005434	NVQLNNXB1/2026.03	
4	Lê Anh	19.5.1983	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005435	NVQLNNXB1/2026.04	
5	Nguyễn Thanh Bắc	25.5.1982	Hưng Yên	Nam	Kinh	HBT/BD 005436	NVQLNNXB1/2026.05	
6	Vũ Bùi Biền	11.11.1977	Hải Phòng	Nam	Kinh	HBT/BD 005437	NVQLNNXB1/2026.06	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
7	Phạm Thái Bình	26.4.1986	Hung Yên	Nam	Kinh	HBT/BD 005438	NVQLNNXB1/2026.07	
8	Nguyễn Kim Chiến	20.10.1980	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 005439	NVQLNNXB1/2026.08	
9	Nguyễn Văn Cung	05.02.1981	Ninh Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 005440	NVQLNNXB1/2026.09	
10	Đặng Cao Cường	17.4.1991	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 005441	NVQLNNXB1/2026.10	
11	Phạm Văn Cường	12.7.1982	Hải Phòng	Nam	Kinh	HBT/BD 005442	NVQLNNXB1/2026.11	
12	Nguyễn Đức Đảm	01.5.1989	Hung Yên	Nam	Kinh	HBT/BD 005443	NVQLNNXB1/2026.12	
13	Đặng Trung Đức	23.7.1991	Phú Thọ	Nam	Kinh	HBT/BD 005444	NVQLNNXB1/2026.13	
14	Nguyễn Thị Kim Dung	05.7.1978	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	HBT/BD 005445	NVQLNNXB1/2026.14	
15	Nguyễn Trí Dũng	16.01.1969	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 005446	NVQLNNXB1/2026.15	
16	Nguyễn Anh Dũng	08.8.1988	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 005447	NVQLNNXB1/2026.16	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
17	Phan Thùy Dương	11.01.1989	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005448	NVQLNNXB1/2026.17	
18	Nguyễn Văn Dương	09.4.1979	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 005449	NVQLNNXB1/2026.18	
19	Đỗ Thế Dương	24.3.1980	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 005450	NVQLNNXB1/2026.19	
20	Trương Vũ Bằng Giang	23.9.1973	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 005451	NVQLNNXB1/2026.20	
21	Vũ Thị Thanh Hà	24.7.1973	Hà Giang	Nữ	Kinh	HBT/BD 005452	NVQLNNXB1/2026.21	
22	Phan Hải Hà	29.7.1978	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 005453	NVQLNNXB1/2026.22	
23	Đỗ Văn Hải	15.10.1976	Thái Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 005454	NVQLNNXB1/2026.23	
24	Bùi Thị Hải	02.11.1982	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	HBT/BD 005455	NVQLNNXB1/2026.24	
25	Nguyễn Thị Minh Hạnh	19.5.1993	Thái Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 005456	NVQLNNXB1/2026.25	
26	Vũ Thị Mỹ Hạnh	09.7.1979	Quảng Trị	Nữ	Kinh	HBT/BD 005457	NVQLNNXB1/2026.26	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
27	Hoàng Thị Hiên	01.4.1986	Cao Bằng	Nữ	Tày	HBT/BD 005458	NVQLNNXB1/2026.27	
28	Đình Hùng	03.6.1973	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 005459	NVQLNNXB1/2026.28	
29	Nguyễn Thế Hùng	11.5.1977	Ninh Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 005460	NVQLNNXB1/2026.29	
30	Trần Đức Hùng	17.3.1976	Nam Định	Nam	Kinh	HBT/BD 005461	NVQLNNXB1/2026.30	
31	Lại Thị Mai Hương	09.10.1979	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005462	NVQLNNXB1/2026.31	
32	Nguyễn Thanh Hường	20.9.2002	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005463	NVQLNNXB1/2026.32	
33	Nguyễn Thanh Hữu	30.10.1979	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	HBT/BD 005464	NVQLNNXB1/2026.33	
34	Phạm Xuân Huy	02.01.1979	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 005465	NVQLNNXB1/2026.34	
35	Ngô Thanh Huyền	16.5.1979	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005466	NVQLNNXB1/2026.35	
36	Lê Trung Kiên	15.12.1980	Bắc Ninh	Nam	Kinh	HBT/BD 005467	NVQLNNXB1/2026.36	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
37	Nguyễn Ngọc Mỹ	10.01.1976	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005468	NVQLNNXB1/2026.37	
38	Vũ Thị Na	10.4.1979	Phú Thọ	Nữ	Kinh	HBT/BD 005469	NVQLNNXB1/2026.38	
39	Trần Thị Nga	24.3.1979	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005470	NVQLNNXB1/2026.39	
40	Đỗ Thị Tố Nga	20.6.1983	Nam Định	Nữ	Kinh	HBT/BD 005471	NVQLNNXB1/2026.40	
41	Vương Thị Ngân	20.01.1995	Lai Châu	Nữ	Thái	HBT/BD 005472	NVQLNNXB1/2026.41	
42	Bùi Quỳnh Nhi	17.10.1981	Bình Định	Nữ	Kinh	HBT/BD 005473	NVQLNNXB1/2026.42	
43	Trần Thị Kim Oanh	29.5.1988	Phú Yên	Nữ	Kinh	HBT/BD 005474	NVQLNNXB1/2026.43	
44	Nguyễn Thị Oanh	24.6.1991	Nghệ An	Nữ	Kinh	HBT/BD 005475	NVQLNNXB1/2026.44	
45	Nguyễn Văn Phong	28.10.1981	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	HBT/BD 005476	NVQLNNXB1/2026.45	
46	Phạm Hà Phương	10.9.1976	Hải Phòng	Nam	Kinh	HBT/BD 005477	NVQLNNXB1/2026.46	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
47	Trần Văn Quân	26.12.1988	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 005478	NVQLNXXB1/2026.47	
48	Nguyễn Hồng Quyền	09.01.1981	Quảng Ninh	Nam	Kinh	HBT/BD 005479	NVQLNXXB1/2026.48	
49	Đỗ Ngọc Sơn	25.11.1980	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 005480	NVQLNXXB1/2026.49	
50	Bùi Đăng Thành	03.12.1976	Hung Yên	Nam	Kinh	HBT/BD 005481	NVQLNXXB1/2026.50	
51	Nguyễn Chí Thiêng	20.5.1970	Thái Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 005482	NVQLNXXB1/2026.51	
52	Phạm Thị Thịnh	12.01.1974	Hải Phòng	Nữ	Kinh	HBT/BD 005483	NVQLNXXB1/2026.52	
53	Lê Hoài Thu	23.12.1985	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005484	NVQLNXXB1/2026.53	
54	Phạm Xuân Thương	24.12.1985	Quảng Ninh	Nam	Kinh	HBT/BD 005485	NVQLNXXB1/2026.54	
55	Hoàng Thanh Thủy	27.12.1979	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BD 005486	NVQLNXXB1/2026.55	
56	Phạm Minh Tiến	04.11.1981	Bình Định	Nam	Kinh	HBT/BD 005487	NVQLNXXB1/2026.56	
57	Hoàng Thu Trang	28.5.1980	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005488	NVQLNXXB1/2026.57	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
58	Phạm Thùy Trang	20.6.1986	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005489	NVQLNXXB1/2026.58	
59	Vũ Đặng Quang Trung	04.02.1981	Tuyên Quang	Nam	Kinh	HBT/BD 005490	NVQLNXXB1/2026.59	
60	Đào Anh Tuấn	01.7.1969	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 005491	NVQLNXXB1/2026.60	
61	Nguyễn Phan Hương Uyên	27.3.1984	Bình Thuận	Nữ	Kinh	HBT/BD 005492	NVQLNXXB1/2026.61	
62	Hoàng Anh Vinh	23.7.1976	Nghệ An	Nam	Kinh	HBT/BD 005493	NVQLNXXB1/2026.62	
63	Vi Thị Xuân	28.7.1982	Bắc Giang	Nữ	Tày	HBT/BD 005494	NVQLNXXB1/2026.63	
64	Trần Khánh Yên	20.10.1984	Nam Định	Nữ	Kinh	HBT/BD 005412	NVQLNXXB1/2026.64	

Tổng số: 64 chứng chỉ.

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2026

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang